

$$A(x-1) + B(y-2) + C(z-3) = 0, A^2 + B^2 + C^2 > 0.$$

( $\alpha$ ) qua B(5; -2; 3) nên B = A.

Vì (( $\alpha$ ), ( $\beta$ )) =  $45^\circ$  nên  $|5A - C| = 3\sqrt{2A^2 + C^2}$ , suy ra

$$7A^2 - 10AC - 8C^2 = 0 \Rightarrow A = 2C, A = -\frac{4}{7}C.$$

Từ đó tìm được hai mặt phẳng thỏa mãn

$$(\alpha): 2x + 2y + z - 9 = 0, (\alpha): 4x + 4y - 7z + 9 = 0.$$

6. ( $\alpha$ ) qua C(1; -1; 1) nên có phương trình dạng

$$A(x-1) + B(y+1) + C(z-1) = 0, A^2 + B^2 + C^2 > 0.$$

Vì (( $\alpha$ ), ( $\gamma$ )) =  $60^\circ$  nên  $2|A - B| = \sqrt{2(A^2 + B^2 + C^2)}$ .

Vì  $d(O, (\alpha)) = \frac{\sqrt{2}}{3}$  nên  $3|-A + B - C| = \sqrt{2(A^2 + B^2 + C^2)}$ .

Suy ra  $2|A - B| = 3|-A + B - C|$ .

Do đó có hai trường hợp

Với  $C = \frac{5(B-A)}{3}$  thì  $2(A-B)^2 = A^2 + B^2 + 25\left(\frac{B-A}{3}\right)^2$  nên

$$8A^2 - 7AB + 8B^2 = 0 \Rightarrow A = B = 0 \text{ (loại)}$$

Với  $C = \frac{B-A}{3}$  thì  $2(A-B)^2 = A^2 + B^2 + \left(\frac{B-A}{3}\right)^2$  nên

$$4A^2 - 17AB + 4B^2 = 0 \Rightarrow A = 4B, A = \frac{1}{4}B$$

Từ đó ta có hai mặt phẳng thỏa mãn

$$4x + y - z - 2 = 0; x + 4y + z + 2 = 0.$$

### Bài 13

1. Gọi  $M \in (\alpha), M(x, y, z)$ . Từ  $d(M, (\alpha_1)) = d(M, (\alpha_2))$  suy ra phương trình mặt phẳng cần tìm ( $\alpha$ ):  $5x + 2y + 7z + 34 = 0$ .

2. ( $\alpha$ ) song song với ( $\alpha_3$ ):  $6x - 3y - 2z + 1 = 0$  nên

$$(\alpha): 6x - 3y - 2z + D = 0 \quad (D \neq 1).$$

$$d(A, (\alpha)) = 1 \Leftrightarrow \frac{|2+D|}{7} = 1 \Rightarrow D = 5; D = -9.$$

Có hai mặt phẳng thỏa mãn yêu cầu bài toán

$$(\alpha): 6x - 3y - 2z + 5 = 0, (\alpha): 6x - 3y - 2z - 9 = 0.$$

3. ( $\alpha$ ) qua B(-5; 0; -3) nên có phương trình dạng

$$A(x+5) + By + C(z+3) = 0, A^2 + B^2 + C^2 > 0.$$

$$(\alpha) \text{ qua } C(2; -5; 0) \text{ nên } B = \frac{7A + 3C}{5}.$$

$$\text{Ta có } d(M, (\alpha)) = d(N, (\alpha)) \Leftrightarrow |6A - 2B - 3C| = |4A - 4B + 5C|.$$

Giải ra ta có hai mặt phẳng thỏa mãn

$$(\alpha): x + 2y + z + 8 = 0, (\alpha): 17x + 31y + 12z + 121 = 0.$$

4.  $(\alpha)$  qua  $D(1; -3; 1)$  nên có phương trình dạng

$$A(x - 1) + B(y + 3) + C(z - 1) = 0, A^2 + B^2 + C^2 > 0.$$

$(\alpha)$  vuông góc với mặt phẳng  $3x - 2y + 2z + 4 = 0$  nên  $2C = 2B - 3A$ .

$$\text{Ta có } d(E, (\alpha)) = 3 \Leftrightarrow \frac{|4A + 5B + 2C|}{\sqrt{A^2 + B^2 + C^2}} = 3.$$

$$\text{Suy ra } (A + 7B)^2 = 9 \left[ A^2 + B^2 + \left( \frac{2B - 3A}{2} \right)^2 \right], \text{ tức là}$$

$$113A^2 - 164AB - 124B^2 = 0 \Rightarrow A = 2B; A = -\frac{62}{113}B.$$

Có hai mặt phẳng thỏa mãn là

$$(\alpha): 2x + y - 2z + 3 = 0, (\alpha): 62x - 113y - 206z - 195 = 0.$$

5.  $(\alpha)$  qua  $F(4; 2; 1)$  nên có phương trình dạng

$$A(x - 4) + B(y - 2) + C(z - 1) = 0, A^2 + B^2 + C^2 > 0.$$

Vì  $d(I, (\alpha)) = \frac{7}{3}$ ,  $d(J, (\alpha)) = 1$  nên ta có hệ

$$\begin{cases} \frac{|-3A - 3B + C|}{\sqrt{A^2 + B^2 + C^2}} = \frac{7}{3} \\ \frac{|-A + 2B|}{\sqrt{A^2 + B^2 + C^2}} = 1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 3|-3A - 3B + C| = 7|-A + 2B| \\ |-A + 2B| = \sqrt{A^2 + B^2 + C^2} \end{cases}$$

Có hai trường hợp

$$\text{Với } C = \frac{16A - 5B}{3} \text{ thì } 256A^2 - 124AB - 2B^2 = 0 \Rightarrow A = \frac{1}{2}B; A = -\frac{1}{64}B.$$

Suy ra các mặt phẳng thỏa mãn

$$(\alpha): x + 2y + 2z - 10 = 0, (\alpha): x - 64y + 112z + 12 = 0.$$

$$\text{Với } C = \frac{2A + 23B}{3} \text{ thì}$$

$$2A^2 + 64AB + 251B^2 = 0 \Rightarrow A = \frac{-32 - 3\sqrt{58}}{2}B; A = \frac{-32 + 3\sqrt{58}}{2}B.$$

Suy ra các mặt phẳng thỏa mãn

---

$$(\alpha): (-32 - 3\sqrt{58})x + 2y - (6 + 2\sqrt{58})z + 130 + 14\sqrt{58} = 0$$

$$(\alpha): (-32 + 3\sqrt{58})x + 2y - (6 - 2\sqrt{58})z + 130 - 14\sqrt{58} = 0$$

Vậy có bốn mặt phẳng thỏa mãn.